

Trụ Năm 1997			Trụ Tháng 10			Trụ Ngày 09			Trụ Giờ 10:01			
Thương <b>ĐINH</b>	SỨU	Dưỡng	Sát CANH	<b>TUẤT</b>	Suy Suy	<b>Thân GIÁP</b>	Sát THÂN	Dưỡng Tuyệt	<b>Tài KỶ</b>	<b>TY</b>	Dưỡng Đ.Vượng	
Kỳ	Tân	Mộ	Mậu	Đinh	Tân	Canh	Mậu	Nhâm	Bính	Mậu	Canh	
Tài	Quan	Quý	T.Tài	Thương	Quan	Sát	T.Tài	Kiêu	Thực	T.Tài	Sát	
Dưỡng	Q.Đói	Suy	Mộ	Dưỡng	Q.Đói	Suy	Mộ	Q.Đói	Mộ	Mộ	Suy	
Quan Đói			Dưỡng			Tuyệt			Bệnh			
Thiên Át QN	Khôi Cương		Cầu		Hồng Diễm	Văn Xương		Kiếp Sát				
Hoa Cái	Quốc Án		Quả Tú		Vong Thần	Kim Thần						
Giáp Lộc	Thiên Hỷ											
Tú Quý Nhân												
<b>Đại Vận 0</b> (0 - - 1 tuổi)	<b>Đại Vận 1</b> (0 - 9 tuổi)		<b>Đại Vận 2</b> (10 - 19 tuổi)		<b>Đại Vận 3</b> (20 - 29 tuổi)							
Sát CANH	<b>TUẤT</b>	Suy	Tài KỶ	<b>DẬU</b>	T.Sinh	<b>T.Tài MẬU</b>	<b>THÂN</b>	Bệnh	<b>Thương ĐINH</b>	<b>MÙI</b>	Q.Đói	
Mậu	Đinh	Tân		Tân		Canh	Mậu	Nhâm	Kỳ	Ất	Đinh	
T.Tài	Thương	Quan		Quan		Sát	T.Tài	Kiêu	Tài	Kiép	Thương	
Mộ	Dưỡng	Q.Đói		L.Quan		L.Quan	Bệnh	T.Sinh	Q.Đói	Dưỡng	Q.Đói	
<b>Đại Vận 4</b> (30 - 39 tuổi)	<b>Đại Vận 5</b> (40 - 49 tuổi)		<b>Đại Vận 6</b> (50 - 59 tuổi)		<b>Đại Vận 7</b> (60 - 69 tuổi)							
Thực BÍNH	<b>NGỌ</b>	Đ.Vượng	Kiép ẤT	<b>TY</b>	M.Dục	Tỷ GIÁP	<b>THÌN</b>	Suy	Án QUÝ	<b>MÃO</b>	T.Sinh	
Đinh	Kỳ		Bính	Mậu	Canh	Mậu	Át	Quý	Ất	Át		
Thương	Tài		Thực	T.Tài	Sát	T.Tài	Kiép	Án	Kiép	Kiép		
L.Quan	L.Quan		L.Quan	L.Quan	T.Sinh	Q.Đói	Q.Đói	Dưỡng	L.Quan	L.Quan		
<b>Đại Vận 8</b> (70 - 79 tuổi)	<b>Đại Vận 9</b> (80 - 89 tuổi)		<b>Đại Vận 10</b> (90 - 99 tuổi)		<b>Đại Vận 11</b> (100 - 109 tuổi)							
Kiêu NHÂM	<b>DẦN</b>	Bệnh	Quan TÂN	<b>SỬU</b>	Dưỡng	Sát CANH	<b>TY</b>	Tử	Tài KỶ	<b>HỢI</b>	Thai	
Giáp	Bính	Mậu	Kỷ	Tân	Quý	Quý	Át	Án	Giáp	Nhâm		
Tỷ	Thực	T.Tài	Tài	Quan	Án	Án	Kiép	Tỷ	Tỷ	Kiêu		
L.Quan	T.Sinh	T.Sinh	Mộ	Dưỡng	Q.Đói	L.Quan	T.Sinh	L.Quan	T.Sinh	L.Quan		

Thương <b>ĐINH</b>	1997	1 tuổi	T.Tài <b>MẬU</b>	1998	2 tuổi	Tài <b>KỶ</b>	1999	3 tuổi	Sát CANH	2000	4 tuổi	Quan TÂN	2001	5 tuổi
Kiêu NHÂM	2002	6 tuổi	Án QUÝ	2003	7 tuổi	Tỷ GIÁP	2004	8 tuổi	Kiép ẤT	2005	9 tuổi	Thực BÍNH	2006	10 tuổi
Thương <b>ĐINH</b>	2007	11 tuổi	T.Tài <b>MẬU</b>	2008	12 tuổi	Tài <b>KỶ</b>	2009	13 tuổi	Án CANH	2010	14 tuổi	Quan TÂN	2011	15 tuổi
Kiêu NHÂM	2012	16 tuổi	Án QUÝ	2013	17 tuổi	Tỷ GIÁP	2014	18 tuổi	Kiép ẤT	2015	19 tuổi	Thực BÍNH	2016	20 tuổi
Thương <b>ĐINH</b>	2017	21 tuổi	T.Tài <b>MẬU</b>	2018	22 tuổi	Tài <b>KỶ</b>	2019	23 tuổi	Sát CANH	2020	24 tuổi	Quan TÂN	2021	25 tuổi
Kiêu NHÂM	2022	26 tuổi	Án QUÝ	2023	27 tuổi	Tỷ GIÁP	2024	28 tuổi	Kiép ẤT	2025	29 tuổi	Thực BÍNH	2026	30 tuổi
Thương <b>ĐINH</b>	2027	31 tuổi	T.Tài <b>MẬU</b>	2028	32 tuổi	Tài <b>KỶ</b>	2029	33 tuổi	Sát CANH	2030	34 tuổi	Quan TÂN	2031	35 tuổi
Kiêu NHÂM	2032	36 tuổi	Án QUÝ	2033	37 tuổi	Tỷ GIÁP	2034	38 tuổi	Kiép ẤT	2035	39 tuổi	Thực BÍNH	2036	40 tuổi
Thương <b>ĐINH</b>	2037	41 tuổi	T.Tài <b>MẬU</b>	2038	42 tuổi	Tài <b>KỶ</b>	2039	43 tuổi	Sát CANH	2040	44 tuổi	Quan TÂN	2041	45 tuổi
Kiêu NHÂM	2042	46 tuổi	Án QUÝ	2043	47 tuổi	Tỷ GIÁP	2044	48 tuổi	Kiép ẤT	2045	49 tuổi	Thực BÍNH	2046	50 tuổi
Thương <b>ĐINH</b>	2047	51 tuổi	T.Tài <b>MẬU</b>	2048	52 tuổi	Tài <b>KỶ</b>	2049	53 tuổi	Sát CANH	2050	54 tuổi	Quan TÂN	2051	55 tuổi

Kiêng <b>NHÂM</b>	2052	56 tuổi	Ám <b>QUÝ</b>	2053	57 tuổi	Tỷ <b>GIÁP</b>	2054	58 tuổi	Kiếp <b>ẤT</b>	2055	59 tuổi	Thực <b>BÌNH</b>	2056	60 tuổi
THÂN	T.Sinh		DẬU	Bệnh		TUẤT	Dưỡng		HỢI		Tử	TÝ	Thai	

Kim | Hỏa | Thủy | Thổ | Mộc | **⚡ Thiên khắc địa xung**

## Giới Thiệu

Thân chào Quý Anh Xemtuong,

Chúng tôi xin gửi đến Quý Anh Xemtuong lá số tử trụ này và luận giải cùng Quý Anh những vấn đề mà Quý Anh đang quan tâm trong lá số. Trong phần bình giải Quý Anh hãy xem kỹ câu nào đúng với mình nhất và bỏ qua những câu không đúng, vì trong phần bình giải chúng tôi nhập rất nhiều lời giải, bao gồm những lời giải ví dụ cho các trường hợp khác mà có thể trong lá số Quý Anh không có.

Trước khi vào phần chi tiết thì chúng tôi xin nói sơ về tử trụ, bát tự hay tử trụ là dùng phương pháp cân bằng ngũ hành để bù khuyết cho những ai có ngũ hành thiếu như thiếu mộc, hỏa, kim, thủy nhằm cải vận cho vận trình của cuộc đời, mang lại hạnh phúc và thành công trong cuộc sống thông qua học thuật mệnh lý. Môn mệnh lý học này giúp Quý Anh dự đoán vận trình may rủi trong đời người thông qua bốn trụ: năm, tháng, ngày và giờ mà con người được sinh ra.

Trải qua hàng ngàn năm, bát tự giúp người ứng dụng dự đoán phần nào những sự việc sẽ xảy ra trong cuộc sống hằng ngày, từ hôn nhân đến sự nghiệp, thời tiết... nhằm đem lại sự thuận lợi cho cuộc sống.

Bát tự chú trọng đến cung vị. Nó cung cấp những tri thức để người dùng thông qua ngày tháng, năm sinh biết những chỗ thừa, chỗ thiếu nhằm tìm ra những yếu tố (dụng thần) giúp cân bằng sự thiếu hụt đó. Bát tự cho biết thời vận tốt xấu để người dùng dự đoán trước vận mệnh mình hòng tìm ra những yếu tố hợp lý để cải vận.

Cho dễ hiểu hơn, tử trụ là dùng luật ngũ hành tương sinh tương khắc và theo qui tắc cứ quân bình là tốt: hễ "hành" nào thiếu thì đi vào vận có hành đó hoặc có một hành sinh ra nó (ví dụ thiếu hỏa, di vận có hỏa hoặc có mộc sinh hỏa) mới tốt.

Quý Anh nên lưu ý rằng tất cả các lời giải của chúng tôi điều là phán đoán dựa theo các sách dự đoán theo tử trụ và kinh nghiệm cá nhân, do đó chúng tôi không bảo đảm tính chính xác và không chịu trách nhiệm với bất kỳ lý do gì về lời giải, Quý Anh cần phải xem [nội quy](#) trước khi xem tiếp để tránh rắc rối sau này.

Phần can chi 12 con giáp của tử trụ được tính theo lịch tiết khí, do đó đôi lúc nó sẽ khác can chi 12 con giáp của lịch âm, như tử vi, bói toán. Do đó Quý Anh đừng nghĩ chúng tôi lập trình can chi 12 con giáp của phần tử trụ này sai, mà là nó được lập theo lịch tiết khí nên sẽ khác lịch âm.

Phần tử trụ này được chúng tôi viết mới hoàn toàn bằng ngôn ngữ web php, dưới sự giám sát chặt chẽ và cố vấn từ các chuyên gia mệnh học của XemTướng.net, và trong thời gian tới chúng tôi sẽ liên tục cập nhật những thuật toán mới để lá số được bình giải đúng và chính xác nhất.

Chúc Quý Anh mạnh khỏe, thành công và tìm được điều có ích sau khi xem vận mệnh!

Xemtuong.net

## Phân Tích Lá Số Tử Trụ

### Thông Căn của Nhật Nguyên

Nhật nguyên là **Giáp Mộc** gấp địa chi trụ năm **Sửu Thổ** không thông, là vô căn.

Nhật nguyên là **Giáp Mộc** gấp địa chi trụ tháng **Tuất Thổ** không thông, là vô căn.

Nhật nguyên là **Giáp Mộc** gấp địa chi trụ ngày **Thân Kim** không thông, là vô căn.

Nhật nguyên là **Giáp Mộc** gấp địa chi trụ giờ **Tỵ Hỏa** được Thông căn Dư Khí \*.

Sự thông căn của nhật nguyên là một thành phần để xét thân vượng và thân nhược. Căn càng nhiều thì can

càng vững mạnh và khả năng thân vượng càng cao.

Điểm 1.5/10

### Lệnh Tháng với tú trụ

Can Năm **Đinh** sinh tháng **Tuất** tọa ở **Dưỡng** nên không được Lệnh tháng.

Can Tháng **Canh** sinh tháng **Tuất** tọa ở **Suy** nên không được Lệnh tháng.

Can Ngày **Giáp** sinh tháng **Tuất** tọa ở **Dưỡng** nên không được Lệnh tháng.

Can Giờ **Kỷ** sinh tháng **Tuất** tọa ở **Dưỡng** nên không được Lệnh tháng.

**Thai nguyên:** Tân **Sửu** (Thai nguyên tức là tháng thụ thai)

**Thai Tức:** **Kỷ Ty** (Thai tức là một cặp can chi tương hợp với can chi ngày sinh)

Sau khi kết hợp can chi của Thai nguyên và Thai tức thì chúng tôi cho rằng giữa hai 2 địa chi **Sửu** **Tỵ** này thuộc nhóm **Tỵ** Dậu Sửu tam hợp Kim, tốt.

### Xét Cung Mệnh, Thai Nguyên và Tú Trụ

Thai nguyên Tân **Sửu** nạp âm là **Thổ**, gặp cung mệnh **Nhâm Dần** nạp âm là **Kim** là tương sinh, theo lý là cuộc đời Quý Anh được phúc lộc.

Thai nguyên Tân **Sửu** nạp âm là **Thổ**, gặp trụ năm **Đinh Sửu** nạp âm là **Thủy** là tương khắc thì trong khoản thời gian ở tuổi thiếu niên có biến động nhẹ.

Thai nguyên Tân **Sửu** nạp âm là **Thổ**, gặp trụ tháng **Canh Tuất** nạp âm là **Kim** là tương sinh thì trong khoản thời gian ở tuổi thanh niên được sung túc âm êm.

Thai nguyên Tân **Sửu** nạp âm là **Thổ**, gặp trụ ngày **Giáp Thân** nạp âm là **Thủy** là tương khắc thì trong khoản thời gian ở tuổi trung niên có biến động nhẹ.

Thai nguyên Tân **Sửu** nạp âm là **Thổ**, gặp trụ giờ **Kỷ Ty** nạp âm là **Mộc** là tương khắc thì trong khoản thời gian ở tuổi già có biến động nhẹ.

Thai Nguyên và Cung Mệnh chủ đích nói về **Quí** và **Thọ**, nghĩa là xem mệnh được thuận hay bị xung khắc, trường thọ hay đoản thọ. Tương tự như Cục trong Tử Vi, 2 trụ này cho ta một cái nhìn khái quát về bản số và cuộc sống chung quanh. Khi Thai và Mệnh được sinh, không bị khắc chế, thì dù tú trụ kém cỏi, vẫn hưởng được an nhàn hay sống thọ. Cho đến nay, rất ít người dùng 2 trụ này để bồ túc cho tú trụ, hoặc chỉ có những người nghiên cứu lâu năm tự nhận thêm vào mệnh số, củng cố cho sự luận đoán của mình.

### Xét Ngũ Hành Can Chi Tú Trụ

Chúng tôi thấy rằng trụ Năm **Đinh Sửu** là **Hỏa** sinh **Thổ**.

Chúng tôi thấy rằng trụ Tháng **Canh Tuất** là **Thổ** sinh **Kim**.

Chúng tôi thấy rằng trụ Ngày **Giáp Thân** là **Kim** khắc **Mộc**.

Chúng tôi thấy rằng trụ Giờ **Kỷ Ty** là **Hỏa** sinh **Thổ**.

Sau khi phân tích ngũ hành sinh khắc của tú trụ thì chúng tôi cho rằng Mệnh cục ngũ hành này chưa được tốt cho lắm, chưa lưu thông vẫn còn trở ngại, tuy nhiên chỉ cần khi thời cơ đến làm dụng thần đắc lực nắm quyền (khi đến đại vận và lưu niên phù hợp) thì vận khí sẽ đi lên và cuộc đời khi đó sẽ được tốt đẹp, may mắn.

Điểm 6/8

### Xét thiên can địa chi trụ ngày

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ năm thì giữa hai cặp can chi **Giáp Thân** và **Đinh Sửu** này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ tháng thì giữa hai 2 địa chi **Thân Tuất** này thuộc nhóm **Dần Ngọ** Tuất tam hợp **Hỏa**, tốt.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ giờ thì giữa hai cặp can chi **Giáp Thân** và **Kỷ Ty** này tương Hợp cho nhau, tốt.

### Thân Nhược: **Mộc** 20/50

Qua phân tích can Nhật chủ với các thiên can địa chi trong tú trụ thì chúng tôi cho rằng Quý Anh có Thân **Mộc** Nhược, với số điểm phân tích của chúng tôi là **20/50** điểm. Tuy nhiên chúng tôi có thêm một thuật toán khác về thân vượng nhược mà ở đây **9/36** điểm cũng là thân Nhược do đó rất chắc chắn Quý Anh là **Thân Nhược Mộc**. Để Quý Anh rõ hơn thì chúng tôi xin công bố điểm bình quân của cả hai cách tính thân vượng

nhược, cách chính thì điểm bình quân là 25 điểm, cách phụ là 18 điểm, chỉ cần điểm tăng lên hay giảm xuống 1 điểm ở ranh giới thôi là kết quả vượng nhược khác nhau, dó đó hãy nhìn điểm bình quân để biết thân vượng nhược nhiều hay ít.

Theo lý nếu thân mà nhược thì dụng thần sẽ là một hành mà có thể sinh thêm cho thân nhược, còn nếu thân vượng thì dụng thần sẽ là một hành xung khắc với thân vượng để hãm bớt thân vượng. Ở đây là thân Nhược **Mộc** thì dụng thần nên là **Thủy** để sinh thêm **Mộc**, tuy nhiên đó chỉ là lý thuyết, hiện nay chúng tôi đang dùng một thuật toán tính dụng thần khác của chuyên gia mệnh học XemTuong.net, và có thể có dụng thần của chuyên gia khác với dụng thần lý thuyết, tuy nhiên nếu dụng thần lý thuyết trùng với dụng thần của chuyên gia thì sẽ thêm phần chắc chắn.

## Về Dụng Thần

Dụng thần là cái làm cân bằng Tứ Trụ (trừ các trường hợp ngoại lệ). Từ dụng thần có thể dự đoán được mọi họa hay phúc của đời người qua các vận và lưu niên, nó không chỉ có thể giúp ta lập luận chính xác sự việc trong từng đại hạn hay tiểu hạn mà còn hỗ trợ chúng ta thoát những vận hiểm nghèo hoặc giúp ta bắt được những thời cơ tốt trong cuộc đời để mưu sự thành công. Có nghĩa là nếu dụng thần của Quý Anh là hỏa thì đến những năm có hành hỏa hoặc những tháng có hành hỏa như mùa hè hoặc làm thứ gì liên quan tới hành hỏa thì sẽ được vượng khí may mắn, công thành danh toại, bệnh tật tiêu trừ còn nếu làm những thứ chống lại dụng thần Hỏa như hành Thủy thì công việc đỗ bể, bệnh càng thêm nặng (lưu ý Hỏa đây chỉ là ví dụ).

Ví dụ Quý Anh là một người có bối cảnh bát tự là cây cổ thụ ở giữa sông hồ, mưa phùn, gió lạnh, sinh ra lúc tờ mờ sáng, thiếu ánh mặt trời. Vậy Dụng Thần của Quý Anh là gì? Đó là Hỏa và Thổ, vì Hỏa sưởi ấm cho Quý Anh khỏi chết rét, Thổ san lấp ngăn chặn những dòng sông đổ về để Quý Anh không chết úng.

**Dụng Thần: Mộc Hỏa** (cả 2 dụng thần ngang hàng nhau)

### Dụng Thần là Mộc (dụng thần 1)

Hành Mộc đại diện cho màu xanh lá, màu của cây cối, phương hướng phát triển thuận lợi là về hướng hướng Đông. Mộc đại diện cho các ngành nghề liên quan đến Vật liệu gỗ, đồ gỗ, đồ gia dụng, đồ trang hoàng, gỗ thành phẩm, nghề giấy, trồng trọt, trồng hoa, nuôi cấy giống cây, các vật lễ thần, hương liệu, các thực phẩm có tố chất thực vật. Chúng tôi không thể liệt kê ra hết tất cả các thứ, nhưng tóm lại những thứ có liên quan đến hành **Mộc** đều tốt cho Quý Anh vì **Mộc** là dụng thần của Quý Anh. Quý Anh có thể dùng bản tra cứu ngũ hành bên dưới để tra những thứ liên quan đến hành **Mộc**.

Quý Anh nên áp dụng triệt để dụng thần trong cuộc sống của mình như thích sử dụng các màu của hành dụng thần. Khi có tiền và điều kiện thì nên đầu tư vào lĩnh vực mà Quý Anh dụng thần thì cơ hội thành công sẽ rất cao.

### Dụng Thần là Hỏa (dụng thần 2)

Hành Hỏa đại diện cho màu tím, đỏ, cam, màu của lửa, phương hướng phát triển thuận lợi là về hướng Nam. Thích hợp với những nghề nghiệp và lĩnh vực kinh doanh có liên quan đến các phương diện như: Chiếu sáng, phát sáng, quang học, nhiệt độ lớn, dễ cháy, các loại dầu, các loại cồn, thực phẩm nóng, thực phẩm, cắt tóc, mỹ phẩm hóa trang, trang sức trên người, văn nghệ, văn học, dụng cụ văn phòng phẩm, học sinh văn hóa, văn nhân, tác giả, tác phẩm, biên tập, nhà giáo, hiệu trưởng, thư ký, xuất bản, công vụ, giới chính trị... Chúng tôi không thể liệt kê ra hết tất cả các thứ, nhưng tóm lại những thứ có liên quan đến hành **Hỏa** đều tốt cho Quý Anh vì **Hỏa** là dụng thần của Quý Anh. Quý Anh có thể dùng bản tra cứu ngũ hành bên dưới để tra những thứ liên quan đến hành **Hỏa**.

Quý Anh nên áp dụng triệt để dụng thần trong cuộc sống của mình như thích sử dụng các màu của hành dụng thần. Khi có tiền và điều kiện thì nên đầu tư vào lĩnh vực mà Quý Anh dụng thần thì cơ hội thành công sẽ rất cao.

## Gợi ý chọn dụng thần

Thông thường chúng tôi đưa ra từ 2 đến 3 dụng thần cùng lúc, một trong những dụng thần này có cái sẽ tốt cho thân vượng và có cái sẽ tốt cho thân nhược và Quý Anh nên chọn 1 dụng thần để làm dụng thần chủ đạo, những dụng thần còn lại để làm phụ đạo. Nếu Quý Anh là **thân nhược** thì hãy chọn dụng thần **tương sinh** để sinh thêm cho thân nhược, còn nếu Quý Anh là **thân vượng** thì chọn dụng thần **tương khắc** để

khắc hâm bớt thân vượng. Quý Anh hãy xem bản ngũ hành xung khắc bên dưới để biết thêm, mũi tên màu đỏ chỉ những hành xung khắc với nhau còn mũi tên màu xanh chỉ những hành sinh hợp với nhau.

Ngoài ra Quý Anh có thể dùng mèo nhỏ này để xem năm nào tốt với Quý Anh, ví dụ chữ dụng thần Quý Anh có chữ màu xanh lá và màu đỏ thì Quý Anh hãy xem trên lá số ở các ô đại vận lưu niên nào có hành can chi(con giáp) cùng màu với màu dụng thần thì đó là những năm dụng thần may mắn của Quý Anh, trùng một màu thì tốt ít, trùng cả hai can chi là tốt nhiều, trùng cả đại vận và lưu niên là cực tốt, đó chính là thời cơ để Quý Anh mưu sự làm ăn.

### Thiên khắc địa xung

Trụ Năm Đinh Sửu bị Quý Mùi thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện Quý Mùi.

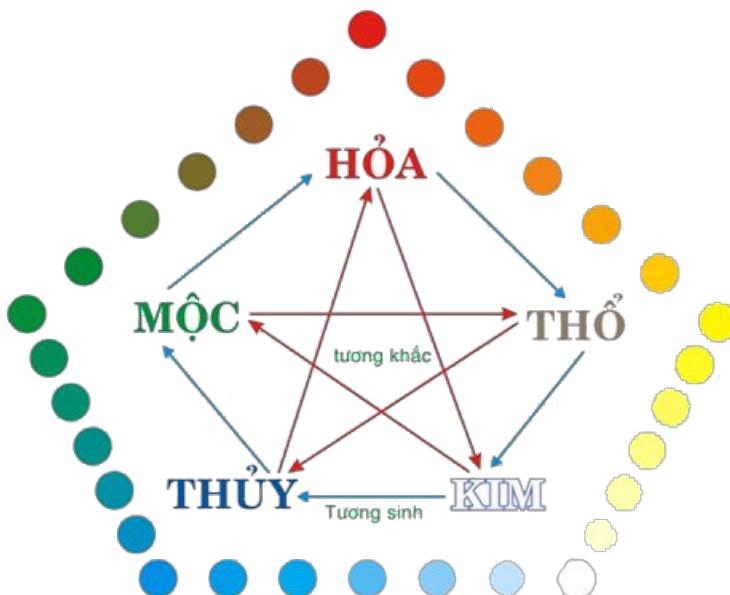
Trụ Tháng Canh Tuất bị Bính Thìn thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện Bính Thìn.

Trụ Ngày Giáp Thân bị Canh Dần thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện Canh Dần.

Trụ Giờ Kỷ Tỵ bị Ất Hợi thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện Ất Hợi.

Theo chúng tôi nhận xét (hành can trụ ngày) sơ nhất thiên khắc địa xung. Vì vậy người đoán mệnh sau khi tìm ra Bát tự, cần lập tức xem thiên can địa chi "thiên khắc địa xung" là gì, xem đại vận (10 năm) có gặp hay không, lại xem niên vận từng năm có gặp hay không. Nếu như có, thì phải đặc biệt cẩn thận. Nghiêm trọng nhất là "thiên khắc địa xung" không chỉ ở trụ ngày, mà còn xuất hiện ở trụ năm, vì một khi đã xung là ảnh hưởng toàn bộ trọng tâm của Bát tự, đây là đại nạn. Khi tuổi gặp phải vận Thiên khắc địa xung, hoặc tháng xung, năm xung thì đều không nên đi lại nhiều mà nên nghỉ ngơi trong nhà, đây cũng là một cách để đề phòng vận hạn.

Cho dễ hiểu là Quý Anh nên cẩn trọng với những năm có sự xuất hiện của các Can Chi xung khắc với túc trụ, những năm đó rất xấu với Quý Anh, đặc biệt là ở trụ ngày. Quý Anh hãy nhìn lá số, ô nào có hình tin chớp màu đỏ là bị thiên khắc địa xung tại đó.



Bản Tra Ngũ Hành Tương Ứng:

Ngũ hành	Mộc	HỎA	THỔ	Kim	Thủy
Thời gian trong ngày	Rạng sáng	Giữa trưa	Chiều	Tối	Nửa đêm
Giai đoạn	Sinh Dương cực	Hoàn chỉnh Dương cực	Âm-Dương cân bằng	Sinh Âm cực	Hoàn chỉnh Âm cực
Năng lượng	Nảy sinh	Mở rộng	Cân bằng	Thu nhỏ	Bảo tồn

Bốn phương	Đông Mộc	Nam Hỏa	Trung tâm Thổ	Tây Kim	Bắc Thủy
Bốn mùa	Xuân	Hạ	Giao mùa (18 ngày cuối các mùa)	Thu	Đông
Thời tiết	Gió (âm)	Nóng	Âm	Mát (sương)	Lạnh
Màu sắc	Xanh Lục	Đỏ	Vàng	Trắng/Da Cam	Đen/Xanh lam
Thê đất	Dài	Nhỏn	Vuông	Tròn	Ngoắn ngòe
Trạng thái	Sinh	Trưởng	Hóa	Thâu	Tàng
Vật biểu	Thanh Long	Chu Tước	Kỳ Lân	Bạch Hổ	Huyền Vũ
Mùi vị	Chua	Đắng	Ngọt	Cay	Mặn
Cơ thể	Gân	Mạch	Thịt	Da lông	Xương tuỷ não
Ngũ tạng	Can (gan)	Tâm (tim)	Tỳ (hệ tiêu hoá)	Phé (phổi)	Thận
Lục phủ	Đởm (mật)	Tiểu trướng (ruột non)	Vị (dạ dày)	Đại trướng (ruột già)	Bàng quang
Ngũ khiếu	Mắt	Lưỡi	Miệng	Mũi	Tai
Ngũ tân	Bùn phân	Mồ hôi	Nước dãi	Nước mắt	Nước tiểu
Ngũ đức	Nhân	Lễ	Tín	Nghĩa	Trí
Xúc cảm	Giận	Mừng	Lo	Buồn	Sợ
Giọng	Ca	Cười	Khóc	Nói (la, hé, hô)	Rên
Thú nuôi	Chó	Dê/Cừu	Trâu/Bò	Gà	Heo
Hoa quả	Mận	Mơ	Táo tàu	Đào	Hạt dẻ
Ngũ cốc	Lúa mì	Đậu	Gạo	Ngô	Hạt kê
Thập can	+Giáp, -Ất	+Bính, -Đinh	+Mậu, -Kỷ	+Canh, -Tân	+Nhâm, -Quý
Thập nhị chi	+Dần, -Mão	-Tý, +Ngọ	+Thìn, +Tuất, -Sửu, -Mùi	+Thân, -Dậu	+Tý, -Hợi
Trạng Thái	Sinh Trưởng	Nhiệt Năng	Đất Đai	Cứng rắn, Cố kết	Lưu Động, Không ngừng

## Bình Giải Chung

### Tổng Quan Người Thuộc Mộc

Theo sách tướng Á Đông thì người thuộc Mộc có nước da hơi xanh, hai bàn tay dài, ngón tay ngón chân dài, mũi dài, thân mình cao vừa phải và hơi gầy; chân mày thưa, râu cũng thưa; cầm vuông, miệng vuông; môi hơi dày, răng bằng và hai răng cửa hơi lớn; đi đứng nhanh nhẹn, cử chỉ lanh lẹ, tiếng nói đều đều nhưng âm lượng hơi cao. Nhìn chung, người thuộc Mộc ít gặp những bất trắc lớn trong cuộc đời, dấu sống trong cảnh nghèo đói vẫn được yên ổn.

Người mà Mộc khí tử tuyệt thì lông mày không ngay ngắn, cổ dài, yết hầu lộ, da thịt kém tươi, tính cách biền lận, hay lừa dối.

Nhìn chung, người thuộc Mộc hợp với phuơng Đông, làm về các nghề mộc, giấy, trồng hoa, cây giống, hương liệu, đồ tế lễ hoặc kinh doanh về các nghề trên thì thường dễ dàng, may mắn.

### Quý Anh Người Thuộc Mộc Nhược

Người Mộc suy thì tóc thưa, vóc người gầy, tính cách hẹp hòi, đố kỵ, bất nhân, bất nghĩa. Nếu người Mộc quá suy thì cũng hay mắc các bệnh như người Mộc quá vượng(bệnh về gan, mật, thận kinh hoặc xương khớp), nhưng thường dễ mắc các bệnh về gan, mật hơn người Mộc quá vượng.

### Cung Mệnh ở Dần có sao Thiên quyển

Quý Anh thông minh sắc sảo, trung niên có quyền bính.

### Trụ năm của Quý Anh có Thương Quan

Trụ năm có thương quan (thương) nếu là kỵ thần thì tổ nghiệp phiêu tán, bạc phúc lắm tai ương. Trường hợp can chi đều thương quan thì một đời tai nạn tật ách. Năm vận thương quan thì mặt có theo. Trường hợp năm thương quan tháng chính tài mà hai sao đó là hỷ dụng thần thì phát đạt phú quý nhưng nếu là kỵ thần thì có tai ách. Trường hợp năm và giờ đều có thương quan và là kỵ thần thì khắc con. Nếu là hỷ thần thì có thể giải được.

### Trụ tháng của Quý Anh có Thiên Quan

Trụ tháng có thiên quan (sát) trường hợp mang dương nhẫn thì bồ mẹ khó toàn vẹn. Nếu có hội hợp thì có thể giải. Trường hợp gặp năm hoặc trụ giờ có thực thần (thực) chế thì là mệnh quý. Người có thiên quan ở trụ tháng thường thích dẫn đầu, thích chọn những công việc mũi nhọn

### Trụ ngày của Quý Anh có Thiên Quan

Trụ ngày có Thiên quan (sát) thì bạn đời tính cứng rắn, thích bạo động, nếu không có thực thần chế thì vợ chồng bất hòa, lại gặp xung thì lầm tai nhiều bệnh. Nếu có thực thần chế hoặc hợp thành tượng khác thì có thể giải. Nếu 4 can đều có thiên quan (sát) mà không có chế phục thì nhiều tai ho.a.

### Trụ giờ của Quý Anh có Chánh Tài

Trụ giờ có chính tài (tài) thì con cái cần cù lao động, đoan chính. Con cái giàu có, về già hưởng phúc.

### Trụ giờ của Quý Anh có Kim Thần

Giờ kim thần: Cá tính cương quyết khó bị khuất phục nhưng nhân duyên trắc trở. Nam dễ thành danh, nữ dễ nắm quyền chồng làm chủ gia đình. Nếu giờ kim thần có tam hợp hỏa cục thì được phú quý. Nếu có ngày can giáp hoặc ất, tháng chi là hỏa thì khi hành vận đến bính, đinh hoặc ty, ngọ thì công thành danh tựu. Lưu ý giờ kim thần kỵ gặp thuỷ, nếu gặp thuỷ là thành tai họa, gặp hình xung thì phá.

### Tứ Trụ của Quý Anh có Thiên ất quý nhân

Thiên ất quý nhân: Chủ về thông minh đầy đủ trí tuệ, gặp hung hóa cát dễ được quý nhân cất nhắc giúp đỡ. Gặp tam hợp, lục hợp thì phúc đức gia tăng, tài phú thịnh vượng. Nếu hợp hóa với hỷ dụng thần thì trăm sự đều thuận. Ở vận vượng thì phú quý, một đời ít bệnh.

### Tứ Trụ có Hoa Cái

Hoa cái chủ về nghệ thuật, tôn giáo nhưng cô độc. Thông minh đầy đủ tài nghệ, tính cô độc, kỵ không vong hình xung phá.

### Trong tứ trụ có Kiếp Sát

Kiếp sát: Hỷ thì xung kỵ thì hợp.

- a: Chi của kiếp sát hợp với các chi khác: vì tửu sắc phá gia tài.
- b: Với thiên quan cùng chi: có tai họa ngoài ý nghĩ.
- c: Với hỷ dụng thần cùng chi: tài trí hơn người, thông minh mẫn cán.

### Trong tứ trụ có Vong Thần

Vong thần: chủ về âm thầm kín đáo tâm cơ khó lường, hỷ nộ không biểu lộ ra mặt.

- a: Với hỷ dụng thần: cùng chi và quý nhân cùng trụ là người có mưu lược già dặn.
- b: Với kỵ thần cùng chi và Thất sát, Dương nhẫn cùng trụ: hình vợ khắc con, hay bị kiện tụng.
- c: Với kiếp tài cùng trụ thuộc về sao xấu.

### Cô thần Quả Tú(trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 130)

Những người mà trong mệnh gặp quả tú là những người có nét mặt không tươi vui, hơi khắc khổ, không lợi cho người thân. Nếu mệnh người đó sinh vượng thì còn đỡ, tử tuyệt thì nặng hơn, nếu gặp cả trạch mã thì lang thang bốn phương. Nếu gặp tuần không, vong là từ bé đã không có nơi nương tựa. Gặp tang điếu thì cha mẹ mất liền nhau, suốt đời hay gặp trùng tang hoặc tai họa chồng chất, anh em chia lìa, đơn hàn bất lợi. Gặp vận tốt thì việc hôn nhân muộn, gặp vận thấp kém thì lang thang đời chuyển mãi. Mệnh nam, sinh chỗ vợ tuyệt lại còn gặp cô thần, thì suốt đời khó kết hôn, nữ mệnh sinh chỗ chồng tuyệt còn gặp quả tú thì có lấy được chồng cũng khó mà bách niên gai lão. Nam gặp cô thần nhất định tha phuơng cầu thực, nữ gặp quả tú thường là mất chồng. Cô thần, quả tú người xưa bàn rất nhiều, chủ về nam nữ hôn nhân không thuận, mệnh khắc lục thân, tai vạ hình pháp, nhưng nếu trong tứ trụ phối hợp được tốt, còn có quý thần tương phù thì không đến nỗi nguy hại thậm chí "cô quả cả hai thần lại còn gặp qua ,Ấn, thì nhất định làm đầu đảng ở rừng

sâu". Nhưng hôn nhân thường không thuận là điều chắc, hơn nữa lúc phạm vào ngày tháng sẽ khắc phụ mầu.

### **Khôi canh quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 129)**

Trong trụ không có tài, quan, hìn, sát thì mới tốt, nếu có lại là xấu.

Nếu gặp vượng địa thì tốt vô cùng.

Trong bốn ngày đó, đối với canh tuất và canh thìn nếu tú trụ có quan là không tốt; hai ngày mậu tuất và nhâm thìn nếu trong tú trụ có tài vận cũng không tốt.

Khôi canh quý nhân chỉ về người có tính cách thông tuệ, ưa sát phạt.

Nếu trong tú trụ có hình xung phá hại thì người ấy nghèo rách kiệt quệ.

Người gặp thiên canh địa khôi, nếu suy thì nghèo đói rách nát; nếu vượng thì giàu sang tuyệt trần, khôi canh tụ hội thì phúc phát phi thường.

Tính cách thông minh, văn chương nổi tiếng, gặp việc thì quả đoán, nắm quyền thích sát phạt, thân vượng thì phát phúc to.

Nhưng gặp tài quan thì tai họa ập đến ngay, nếu tú trụ có hình sát thì còn nặng hơn.

Nếu lâm tài vượng, quan vượng thì phải đề phòng tai họa bất ngờ. Nếu lệnh tháng gặp tài quan ấn thụ, ngày chủ một trong bốn ngôi, tức lấy tài quan ấn thực làm dụng thần, tuy hơi bị phá tài, nhưng nhờ tài quan ấn thực đưọc ngôi nên không bị hại nhiều.

Canh tuất, canh Thìn hai ngày này không có quan tinh, nếu khôi canh trùng điệp hữu tình thì chủ về phú quý danh tiếng; nếu gặp tài quan thì xấu.

Gặp tuế vận còn gặp cả tài quan vượng thì tai vạ khôn lường.

Người trong tú trụ tuy có khôi canh quý nhân, tuy có tài lãnh đạo, tiếng vang sức mạnh, thích quyền bính, hiếu thắng, nhưng việc hôn nhân thường trắc trở. Ngoài ra nếu không tôn trọng pháp luật thì khó tránh tù đày.

### **Quốc ấn quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 130)**

Quốc ấn quý nhân trong dự đoán nói chung ít dùng, nhưng người trong tú trụ có quốc ấn quý nhân và sinh vượng thì hầu hết làm chức to trong nhà nước hoặc nắm quyền quản lý ở cơ quan.

Sao này cũng có thể tham khảo để các cơ quan dùng tuyển người giữ chức cao.

Người tú trụ có quốc ấn, chỉ về thành thực đáng tin, nghiêm túc thanh liêm, quy củ, hành sự theo lẽ công, vui vẻ với mọi người, lễ nghĩa nhân từ, khí chất hiên ngang.

Nếu ấn gặp sinh vượng và có cát tinh tương trợ, không gặp xung, phá, khắc, hại thì không những có thể đứng đầu cơ quan mà còn có khả năng tốt.

### **Tú quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 132)**

Có tú quý nhân là hòa hợp với tú khí ngũ hành trong trời đất biến hóa mà thành. Tú quý nhân là khí thanh tú của trời đất, là thần vượng bốn mùa; Người trong mệnh có tú quý nhân mà không bị xung phá, khắc áp thì tính thông minh, ôn hòa trung hậu, nếu gặp học đường quý nhân thì có tài quan, cao sang, nếu bị xung khắc thì bị giảm yếu. Tóm lại tú quý nhân cũng là một loại quý nhân, nó có thể biến hung thành cát. Trong mệnh có nó là người thành thật, tinh thần sáng sủa, nghĩa hiệp thanh cao, tài hoa xuất chúng.

### **Kim thần (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 137)**

Căn cứ thực tiễn, trụ ngày gặp kim thần, trường hợp trong tú trụ thiếu hỏa khi vận nhập vào hỏa thì lập tức giàu sang. Kim không có hỏa không thể thành vũ khí, nên kim cần phải có hỏa để luyện, do đó kim gặp hành hỏa thì phát. Trong tú trụ có hỏa, nhưng không hành hỏa thì hỏa cục ban đầu không có lực, phải gặp hỏa vận mới phát, cho nên có câu: "kim thần gặp hỏa, uy trấn biên cương" hoặc "kim thần nhập hỏa, phú quý vang xa". Kim thấy thuỷ thì trầm cho nên kim thần gặp thuỷ là gặp tai vạ. Vận đến kim thuỷ thì tai họa đến ngay, đi lên phuơng bắc là xấu, có thể tai nạn rất nặng. Kim thần gặp tài là tốt, gặp tài vận là phát. Gặp tài vận đã tốt, gặp cả hỏa nữa càng tốt hơn. Kim thần là quý cách, gặp nó người đó không giàu thì sang, thông minh hiếu học có tài, nhưng tính gấp, mạnh mẽ, khăng khăng làm một mình. Trong tú trụ kim nhiều (hoặc nạp âm kim nhiều) thuỷ vượng là phá cách, chủ về họa nhiều mà thành công ít, không có tình nghĩa với lục thân, anh em chia lìa, người vất vả khổ sở.

### **Cẩu (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 153)**

Dương nam, âm nữ ngôi thứ ba sau mệnh là cẩu. Âm nam, dương nữ ngôi thứ ba trước mệnh là cẩu. Cẩu nghĩa là liên lụy. Năm hành đến đó thường gặp chuyện cãi cọ, hìn phạt. Ngày tuế vận gặp cẩu hay giảo là chủ về tai nạn nát thân.

### Vong thần (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 155)

Vong thần, vong túc là mất, mất từ bên trong gọi là vong. Vong ở chỗ vượng trong ngũ hành (Kiếp ở chỗ tuyệt trong ngũ hành).

Vong thần là gấp quan vượng trong tam hợp cục. Vong thần gấp tài cục là tài vượng, gấp quan cục là quan vượng, gấp thương quan cục là xì hơi.

Gặp tài quan thương mà lớn thì đòi hỏi bản thân vượng nếu gặp thân nhược là hại, gặp ấn cục là tốt.

Vong thần cát thì sắc sảo uy lực, mưu lược tính toán, liệu việc như thản, binh cơ biến hóa, cuối cùng rồi sẽ thắng, nói năng hùng biện lưu loát, tuổi trẻ tiến nhanh.

Nói là tốt túc là chỉ khi mệnh gặp sinh vượng, quý sát. Nói xấu túc là khi mệnh rơi vào tử tuyệt, ác sát, là người ngông cuồng đảo điên, trắng đen thị phi lẩn lộn, lòng dạ hẹp hòi, đam mê tữu sắc, việc quan kiện tụng, phạm quân pháp.

Nếu quý nhân kiến lộc lại gặp vong thần thì chuyên về công việc bút nghiên, văn tự, nên nghiệp nhờ việc công. Vong thần, Thất sát thì họa không nhẹ, tìm đủ mọi cách việc vẫn không thành, khắc vợ, khắc con, không nói được nghiệp ông cha, là kẻ sĩ thì vô danh.

Mệnh đã Tuần không còn gặp Vong thần thì họa không nhẹ, nghèo đói suốt đời.

### Văn xương (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 128)

Văn xương nhập mệnh chủ về thông minh hơn người, gặp hung hóa cát. Tác dụng của nó tương tự như Thiên đức, Nguyệt đức, Thiên ất quý nhân.

Xem kỹ văn xương quý nhân ta thấy, cứ "thực thần" lâm quan là có văn xương quý nhân. Do đó mà gọi là văn xương túc thực thần kiến lộc.

Người văn xương nhập mệnh thì khí chất thanh tao, văn chương cử thể. Nam gặp được nội tâm phong phú, nữ gặp được thi đoan trang, ham học ham hiểu biết, muôn vương lên, cuộc đời lợi đường tiền chức, không giao thiệp với kẻ tầm thường.

Trong thực tiễn, người có văn xương quý nhân sinh vượng, thường dễ đạt các trường chuyên khoa, đại học, lợi về đường học hành thi cử.

## Ông Bà Cha Mẹ

Kinh nghiệm cuộc sống cho ta biết, phàm là người có một ít thành đạt trong sự nghiệp đều là những người nghe lời cha mẹ, không quên công ơn dưỡng dục của cha mẹ. Đó cũng là những người con có hiếu. Còn những người lười biếng, ích kỷ, không coi trọng chữ tín, làm những điều tai ác ngược đạo lý ở đời, ngược với lợi ích của xã hội và nhân dân thì đều là những người không có hiếu.

Hiếu kính cha mẹ là thiên đức làm người, cũng là cơ sở để thành công trong sự nghiệp. Ngày xưa các vua khi tuyển dụng người tài, đầu tiên xem người đó có phải là người con hiếu không. Vì người ta cho rằng, ngay đến cha mẹ là người sinh thành dưỡng dục mình mà mình cũng không có hiếu thì làm sao có thể tận trung với vua được. Cách nói đó rất có lý. Ngày nay không ít người khi kết bạn, tìm người yêu, có những Giám đốc khi tuyển dụng người giúp việc hoặc thư ký cũng đều lấy chữ hiếu làm điều kiện quan trọng. Vì người hiếu kính với cha mẹ phần nhiều trung thành với bạn bè, trung thực trong tình yêu, tận tâm với công việc và với lãnh đạo, tận tình trong chức trách và luôn có tinh thần phấn đấu vươn lên, không gây rối trong tập thể.

**Can năm Quý Anh là dụng thần thì cha mẹ song toàn**

**Can năm sinh cho chi năm là cha yêu mẹ**

Can và chi năm tương sinh cho nhau là cha mẹ hòa thuận

**Trụ năm hoặc trụ tháng Quý Anh gấp 2 quý nhân trở lên**

Trụ năm hoặc trụ tháng gấp quý nhân là cha mẹ đẹp và nho nhã, thanh lịch.

**Trụ năm gấp chính ấn**

Trụ năm Quý Anh gấp chính ấn là cha mẹ hiền lành, hay là điều thiện.

**Trụ năm Quý Anh sinh hợp với nhật nguyên thì được cha mẹ yêu.**

**Can năm hoặc chi năm, can tháng hoặc chi tháng là hổ thần, hoặc dụng thần là được hưởng phúc tổ tiên hoặc**

**được cha mẹ nuông chiều.**

**Chính ân đóng ở hoa cái là cha mẹ thông minh.**

Một người có thể rất hiếu thuận với cha mẹ nhưng trong Tứ trụ lại khắc cha, khắc mẹ, đó là điều khách quan. Người khắc nhẹ thì không có lợi cho cha mẹ, khắc nặng có thể khắc chết. Như có người khắc cha mẹ từ thời kỳ còn nhỏ đã mất cha mẹ, thậm chí có những em bé mệnh cứng, tính khắc rất mạnh vừa sinh ra mẹ không chết thì cha chết, thậm chí mất cả cha lẫn mẹ trở thành trẻ mồ côi rất đáng thương.

Tứ trụ của một người có thông tin khắc cha mẹ thì dùng biện pháp gì để hóa giải được ? Đây là vấn đề mà mỗi người nên quan tâm. Căn cứa tổng kết các Tứ trụ, phàm những người có con tính khắc mạnh mẽ, nói chung là người ấy có tài, sau khi lớn lên không làm quan to thì cũng là người phú quý giàu sang. Do đó cách giải phải căn cứ vào tính khắc to hay nhỏ mà quyết định. Đối với những người con có tính khắc mạnh thì nên đưa lên chùa để cho những người tu hành nuôi dưỡng. Cũng có người lại nhờ người bô mẹ nuôi. Có người từ nhỏ đã phải nhờ các nhà sư làm thầy. Những trẻ em như thế sẽ có lợi cho cha mẹ. Hoặc đối với những trẻ em bị cha mẹ khắc cũng làm như thế thì cha mẹ mới vẹn toàn và cũng không bị mất con. Nếu không dùng cách giải cứu đó thì hoặc cha mẹ không song toàn, hoặc không bảo đảm được con cái. Cho nên xưa nay có không ít những danh nhân hay người giàu ban đầu được lớn lên từ trong chùa, đến khi học được văn võ song toàn sau đó mới ra đời lập nghiệp. Thực tế chứng minh rằng một người trong Tứ trụ có tiêu chí thông tin khắc cha mẹ, nếu sống xa cha mẹ thì có thể tránh được sự xung khắc đó.

**Trụ năm Quý Anh có thương quan là không lợi cho cha**

**Ngày giáp ất gặp vận dàn mão.**

Ngày giáp ất gặp đại vận lưu niên có dàn mão là chủ về kiếp tài, phá tài, khắc cha mẹ và gặp những việc phải tranh giành nhau.

**Lệnh tháng là Thổ khắc năm mệnh Thủy**

Lệnh tháng khắc năm thực chất là tháng khắc mệnh năm, tức cha mẹ không toàn vẹn được. Qua thực tiễn tổng kết kinh nghiệm thấy: tháng khắc năm rất ít khi mẹ mất mà phần nhiều cha mất.

**Ấn gặp quan sát nhiều là cha mẹ yếu, kém.**

**Trụ năm Quý Anh là dụng thần nếu gặp đại vận lưu niên bị thiên khắc địa xung là có tang cha mẹ.**

**Đến năm tuế vận có can chi mà bị thiên khắc địa xung là có tang cha mẹ.**

Có người sản nghiệp ông cha hùng hậu, nhưng Tứ trụ của mình lại thân nhược không thể thăng tài cho nên không thừa kế nổi sản nghiệp của ông cha, thậm chí ngày càng nghèo đi. Cuối cùng sản nghiệp của ông cha bị tan nát vì tay mình, với người như thế không thể nói là có mệnh phú quý cho dù ở trong một gia đình giàu có. Ngược lại, có những đời ông cha nghèo khổ, nhưng tổ hợp sắp xếp Tứ trụ của người đó tốt, chẳng qua vì vận tốt đến thì trở thành phú ông giàu có. Người có mệnh như thế gọi là mệnh phú quý.

**Trụ năm, trụ tháng có tài, quan, ấn là ba đời giàu sang.**

**Trụ năm, có tài quan tương trợ lẫn nhau thì được hưởng hạnh phúc của ông cha.**

**Trụ năm làm dụng thần thì được hưởng tài sản tổ nghiệp để lại.**

**Can năm làm dụng thần là tốt, tức là được âm đức của cha ông để lại.**

**Ngày thông với lệnh tháng là nhờ tổ tiên mà yên ổn.**

**Ấn tinh bị thương thì làm hỏng tổ nghiệp, lìa bỏ quê hương.**

**Trên trụ năm gặp tử, tuyệt, mộ địa hoặc bị hình, xung, khắc hại là ông cha phiêu bạt lênh đênh.**

**Thiên quan mà có chế ngự thì không phải là hung, có cơm ăn áo mặc đầy đủ.**

**Trong Tứ trụ gặp cả vong thần, thất sát là cha ông không để lại được gì.**

**Tài tinh bị phá cũng là rời bỏ quê hương.**

**Trụ năm là thất sát, tì kiếp, thương quan là ông cha đói rách.**

**Thân, tài đều nhược thì khó mà giữ được gia nghiệp.**

Sát nhiều là tuy đang yên nhưng phải phòng xa sự nguy hại.

Trụ tháng phá tài quan là ông cha nghèo không để gì lại gì, tay trắng dựng cơ đồ.

Tài tinh bị phá là lúc hết ruộng vườn, đi khỏi quê hương.

## Anh Em Huynh Dệ

Trụ ngày Quý Anh yêu, mà không có tì kiếp thì lấy ấn đẻ tính số lượng anh em.

Tháng và ngày Quý Anh tương sinh cho nhau là anh em hoà thuận.

Trong Tứ trụ Quý Anh không có tì kiếp và ấn tinh là từ bé đã gặp vận tì kiếp, bản thân nhờ anh em họ hay bạn bè nuôi dưỡng lớn lên.

## Gia Đạo Tình Duyên

Trước khi vào phần bình giải về gia đạo tình duyên thì chúng tôi xin đưa ra những tuổi hợp với Quý Anh về hôn nhân như sau.

Quý Anh Nam tuổi **Đinh Sửu** hợp với Nữ tuổi **Giáp Thân - Ất Dậu** về hôn sự.

Chúng tôi lấy trụ năm của nam nữ tương sinh tương hợp làm chính chứ không đòi hỏi mệnh của nam nữ tương sinh. Nếu trụ năm của hai bên tương sinh tương hợp, mệnh năm lại tương sinh thì tất nhiên càng tốt. Chúng tôi chọn tuổi phòi hôn nam nữ là chọn những năm sinh phòi hôn tốt nhất, lý tưởng nhất, là lấy theo đề phòng khắc chồng khắc vợ làm mục tiêu chính. Bên cạnh đó những phương pháp phòi hôn theo cách cổ đại vẫn có thể dùng được. Nói như thế nghĩa là chọn cách phòi hôn theo chúng tôi cũng được hoặc theo cách cổ cũng được, Quý Anh có thể tùy ý chọn.

**Vợ chồng Quý Anh có trụ năm tương sinh hoặc thiên hợp địa hợp thì bách niên gai lão.**

**Nam gặp thương quan là có kết hôn hai lần, nữ gặp thương quan là có tái giá.**

**Quý Anh có Thất sát đóng ở trụ ngày thì vợ chồng bất hòa, không chia tay nhau sẽ gặp điều xấu.**

**Chính tài, thiên tài nhiều là người háo sắc, chơi bời, vợ chồng bất hòa.**

**Quý Anh Gặp phải vận thương quan là nam khắc vợ, nữ khắc chồng gặp phải tuế quân bị khắc phải đề phòng vợ chồng đều bị tổn thương.**

**Kiếp tài của nam là vợ**

Chi ngày là sao vợ, tháng là cung hôn nhân, ngày là cung phòi hôn.

**Chi ngày Quý Anh là dần thân tị hợi thì vợ đôn hậu**

**Mệnh nam Quý Anh lấy suy làm hại.**

**Quý Anh Vận nam hợp với tài là vợ sớm.**

Ở tuổi thanh niên nếu đại vận lưu niên gặp Kiếp Tài thì sẽ kết hôn năm đó.

**Đại vận, lưu niên tam hợp tài là có tin mừng về cưới hỏi.**

**Trong Tứ trụ tài làm dụng thần thì vợ hiền đẹp, nội trợ giỏi.**

**Quý Anh Nam gặp tài nhiều, thân yêu, là rời quê hương lấy vợ đẹp.**

**Quý Anh Người trong Tứ trụ không có kình dương, hành vận đến lúc gặp kình dương thì hao tài và khắc vợ con**

**Quý Anh Nam gặp menses tuyệt là vợ có bệnh hoặc tính nết không hiền lành, hoặc vợ đến tuổi cao vẫn còn tái giá.**

Quý Anh có Sao thê măt lệnh là ly hôn giữa chừng.

Quý Anh có Trụ ngày gặp thất sát là chủ về có vợ hung bạo, sát chồng.

## Công Danh Sự Nghiệp

### Tài vận với tú trụ

Một người có cửa hay không, hoặc cửa nhiều hay ít, khi nào thì gặp vận có cửa, tìm nó ở phương nào, nguồn của nó ra sao, khi nào cầu tài hay đầu tư có lợi, tất cả những điều này liên quan ít nhiều đến phát tài, đều được tàng chứa trong Tú trụ giờ sinh tháng đẻ của mỗi người. Do đó bất kể là đơn vị quốc doanh hay cá nhân, nếu không biết được các thông tin về tài vận, không nắm được thời cơ tài vận mà mở doanh nghiệp một cách mù quáng thì nhất định khó tránh khỏi được hao tài tốn của.

Cũng có người nhìn thấy người khác làm ăn nêu nỗi, tự mình đã qua nên không thể nào phát tài được nữa. Người xưa có câu : "Có cửa không bằng sắp phát tài, sắp phát tài không bằng biết giữ cửa lại". Cho nên muốn biết được các thông tin về tài vận, phải hướng đến điều may, tránh xa cái bất lợi, trước phải dự đoán sau mới hành động. Như thế mới gọi là "tự mình nắm vững vận mệnh của mình". Đối với từng người là thế, đối với các xí nghiệp nhà nước lại càng cần phải thế.

Tú trụ Quý Anh có tài thì cái ăn, cái mặc không thiếu.

Quý Anh có Tài lộ rõ là người hào phóng khảng khái.

Quý Anh có Tài, Tài là thê tinh, có tài thì có vợ, ngược lại thì khó khăn.

Quý Anh có Tài, Tài là nguyên thần của quan tinh, không có cửa thì khó mà quyền quý.

Quý Anh có Tài nhiều, thân nhược cần có án thụ để hỗ trợ thân.

Trong trụ Quý Anh gặp đất hợp tài là cơ nghiệp bền vững.

Quý Anh có tài nhiều lại dựa vào án thụ để hộ thân là người có vợ hiền, con đẹp, cuối đời hạnh phúc.

Quý Anh thân nhược, tài nhiều khi hành đến vận tì kiếp thì mới phát tài.

Quý Anh Có tài gặp sát, người tuổi dần, ngọ, tuất gặp tân thủ, người tị, dậu, thủ gặp ất mùi, người thân, tỵ, thìn gặp bính tuất ; người hợi, mão, mùi gặp mậu thìn, như thế gọi là thê tài tụ hội. Người gặp như thế sẽ giàu, nhưng phải đề phòng vợ làm hại.

Quý Anh có Thực thần gặp tài, nhưng tài nhiều thì không sang mà chỉ là trọc phú.

Thương quan của ngày, giờ bị tổn thương hết thì sẽ phát tài một cách bất nghĩa.

Tài tinh Quý Anh chỉ có một ngôi mà được thời là nhà phú quý, nhưng người tính nóng

Quý Anh thân suy nếu không thăng tài sẽ là người vất vả.

Quý Anh có Thiên tài gặp quan kiêm thực thần thì chắc chắn vinh hoa.

Thương quan bị thương tổn khi hết thương tổn, trở lại sinh tài thì chau báu tự nhiên mà đến.

Quý Anh có Thực thần gặp án là tiền của ngày một nhiều.

Thất sát có chế ngự là người đại quý.

Tài của địa chi phục ám sinh thì nhờ đó dần dần giàu có.

Trong trụ Quý Anh vốn có tài tinh thì nên hành đến quan vận, hành quan vận sẽ phát tài.

Có nghĩa chờ đến đại vận lưu niên có Quan sẽ phát tài.

Quan tinh Quý Anh là lộc, tài tinh là mã, hành đến tài vận thì sẽ giàu.

Quý Anh có Tài mừng gặp sát, mười người có đến chín người phú quý.

Trụ ngày Quý Anh là giáp ất, đến vận mà gặp dần mão thì kiếp tài phá tài.

Tài nên tàng ẩn, không nên để lộ, lộ thì dễ bị tranh giành.

Quý Anh có 1 Tài lộ 1 Tài ẩn

Thương quan Quý Anh có Tài đến những năm đại vận và lưu niên gặp Quan, Sát, và kế bên có chữ Suy, Tuyệt thì sẽ mất tài, mất lộc.

Quý Anh có Thương quan đến đại vận và lưu niên nếu gặp Quan là năm đó tai hoạ liên miên.

## Quan Vận

Thiên Quan Quý Anh có chế phục lại được sinh, uy trấn biên cương (Có Thực chế, có Tài sinh).

Quan Ân Quý Anh ở trụ năm và tháng, làm quan hay lui tới cung điện.

Kim Thần đón Ân, tham mưu trong nội các.

Quý Anh có Tướng tinh cùng chòi với Vong Thần, bậc đồng lương của quốc gia.

Quý Anh có Hoa Cái và Ân tinh củng hội, là bậc lương thần như Quản Trọng.

Quý Anh có Tài sinh Thất Sát, quyền uy trên cả vạn người, có thêm Ân tương phù, làm quan cao cực phẩm.

Quý Anh có Thương Quan thấu, Chính Quan ẩn, gặp Sát Ân Tài, vị trọng quyền cao.

Quý Anh Ân lâm Thiên Ât, mấy đời làm quan.

Quý Anh có Khôi Canh đón Sát phùng xung chiến, tính cao cường mà nắm quyền sinh sát.

Thất Sát Quý Anh có chế ngự, hưởng lộc phong hậu.

Quý Anh có Thương Quan gặp Tài, quan cao mà tiền tài cũng khá.

Quý Anh có Kim thần đón Sát, nhất định là quan quý.

Năm Quý Anh có Chính Ân, tháng có Chính Quan, nhậm chức giáo dục.

Quý Anh có Thương Quan đón Ân, nhậm chức chính đón kỷ cương trong triều.

Quan tinh sợ hãi xung hại, không lợi làm quan.

Quý Anh có Quan Sát hỗn tạp, không quý hiển được.

Quý Anh có Tài Quan Ân đều toàn, thi đậu cao, dễ nổi danh.

Quý Anh có Tài Quan Thực, thông minh tú khí, văn tài xuất chúng.

Trụ năm Quý Anh có Ân thụ phúc vô cùng, thụ ơn tập ấm lập công danh.

Thiên Quan Quý Anh bị chế phục thái quá, là nhà Nho nghèo, thời nay là nhà giáo.

Ân Quý Anh bị phá Tài bị thương, đừng ham tìm kiếm công danh.

Quý Anh Nhật yêu Thực Thương lại nhiều, sơ học.

Quý Anh có Thương Quan đón Ân, có đảm thức thao lược, thành công vượt quá sức tưởng tượng của mọi người.

## Nghề Nghiệp

Quý Anh có Thực Thương phát tiết, hợp với những nghề văn chương, thư họa, giảng dạy, nghệ thuật.

Quý Anh có Sát Ân tương sinh, hợp theo nghề quân sự hoặc bác sĩ ngoại khoa, hoặc nhân viên cao cấp của xí nghiệp.

Quý Anh có Tài Quan phù trợ lẫn nhau, nên học chính trị, pháp luật hoặc tài chính.

Quý Anh có Thực Thương sinh Tài, nên học thương nghiệp, tiền tệ, tài chính, mậu dịch hoặc ngành nghề kinh doanh mang tính kỹ thuật.

Quý Anh có Sát Ân tương sinh, hợp nghề võ, như quân sự, cảnh sát.

Quý Anh Ngũ hành cần thủy, hợp ngành nghề lưu động hoặc chức vụ ngoại giao.

Nhật chủ quá yếu, hợp mấy nghề kỹ xảo, nhất nghệ tinh nhất thân vinh.

Quý Anh có Tài chế Thiên Ân, sẽ thành công trong ngành nghề thực nghiệp (sản xuất).

Quý Anh có Chính Quan Thiên Ân tương sinh, nghề gì có làm công ăn lương là hợp.

Thực Thần cách có cả Chính Quan và Thất Sát, hợp theo nghề không sản xuất, như y bốc tinh tướng, tam giáo cửu lưu...

Quý Anh có Thực Thần sinh Tài, lợi kinh doanh dược phẩm, ăn uống, bánh trái, thức ăn gia súc, chăn nuôi gia cầm...

Quý Anh có Thiên Tài gặp Thương Quan, theo nghề có tính thách thức, mạo hiểm, đầu cơ như mậu dịch, gia công, nghiệp vụ, marketing...

Quý Anh có Thiên Tài gặp Chính Quan, nên theo nghề công vụ viên, thư ký, hành chính...

**Tú trụ hỷ dụng thần Quý Anh là Mộc**

Tú trụ hỷ dụng thần Quý Anh là **Mộc**, nên theo nghề nghiệp có liên quan tới mộc, như lâm nghiệp, trồng trọt, kinh doanh đồ gỗ, đồ nội thất gỗ, văn nghệ, văn học, thầy giáo, nhà văn, giáo dục, hiệu sách, nhà xuất bản, công vụ, tư pháp, y liệu. Lợi Đông Bắc, không lợi Tây Nam.

**Tú trụ hỷ dụng thần Quý Anh là Hỏa**

Tú trụ hỷ dụng thần Quý Anh là **Hỏa**, nên theo nghề nghiệp có liên quan tới hỏa, như nhà máy, lò gạch, phát sáng, dầu, xi măng, ăn uống nóng, thực phẩm, quân giới, bách hóa, phát điện, diễn thuyết, chính trị, tôn giáo. Lợi Đông Nam, không lợi Tây Bắc.

## Con Cái

Trẻ em sau khi sinh nói chung can ngày nên có khí, lệnh tháng sinh phù, trụ năm phải tốt, ấn tinh không bị thương tổn, tài quan có chế ngự, thất sát được hóa giải, thương quan có hợp khí trung hoà, không gặp hình xung khắc hại, thì em bé đó dễ nuôi và sống lâu.

Xem con cái nhiều hay ít chủ yếu phải xem sự vượng suy của trụ giờ và phải xem trong Tú trụ tử tinh (thực thần, thương quan) có bị khắc không. Người mà sinh tử tinh suy, tử tuyệt lại còn bị khắc hại tất sẽ không có con cái. Nếu sinh ngày canh, giờ ngọ, canh lύ át mộc làm vợ, át mộc sinh hỏa khắc canh kim, giờ ngọ hỏa ở vượng địa, là lộc của đinh hỏa cho nên sinh con cái nhiều mà phú quý. Nếu sinh vào các giờ tuất, hợi, tý là đất hỏa tuyệt thì con cái ít hoặc đứa con sinh ra cô độc, nghèo hèn, hoặc về sau trở thành tăng đạo.

Quý Anh có Thương quan gặp tài, thất sát bị kiềm chế là nhiều con.

Trụ nhật Quý Anh làm dụng thần là con nhà hiền mà tháo vát.

Quý Anh có Thương quan đến vận gặp tài là có con.

Ngôi con ở đất vượng tướng là con thông minh, hiền hiếu, làm rạng rõ tổ tiên.

Dụng thần ở trụ giờ là con cái giúp đỡ được cha mẹ.

Can giờ Quý Anh suy là sinh con gái.

Quý Anh có Tài tinh đóng ở trụ giờ là con cái sau thành gia thất, chúng sẽ giàu.

Phàm trẻ em sinh vào ngày, giờ giáp ất, thì mặt có ấn đường rộng, mắt có thần, nhân trung dài, lông mày đẹp.

Sinh vào ngày giờ mậu, kỉ đầu to, trán rộng.

Trụ ngày có thắt sát lúc sinh vắng mặt cha.

Người sinh vào các giờ dần, thân, tị, hợi thì sinh ra nầm nghiêng.

Cha có thắt sát là sinh con trai, quan tinh là sinh con gái. Mẹ có thắt sát là sinh con gái, quan tinh là sinh con trai.

Cha có thương quan là sinh con gái, thực thần là sinh con trai. Mẹ có thương quan là sinh con trai, thực thần là sinh con gái.

Quý Anh có Can ngày can giờ khắc nhau nên lần sinh đầu là con trai.

Thương quan làm hại con cái, không có phúc về sau.

Quý Anh thân nhược là con cái ít và không phát đạt.

Thương quan Quý Anh bị chế ngự là cháu họ thừa tự.

Trong Tứ trụ Quý Anh có thương quan là vợ nhiều nhưng con ít.

Quý Anh Trụ ngày có sát, kiêu là vợ nhiều đẻ ít.

Về dự đoán đứa con chúng tôi chú trọng nghiên cứu lần sinh thứ nhất là con trai hay con gái và như thế nào thì sinh con trai, thế nào là sinh con gái. Còn những mặt khác chỉ nghiên cứu chung chung.

## Sức Khỏe & Bệnh Tật

Quý Anh Kiêu đoạt Thực nên thường có bệnh.

Quý Anh có Nhật tọa Kiêu, hoặc Kiêu nhiều, bệnh do ăn uống mà gây ra.

Quý Anh Nhật yếu, Thực Thương nhiều, hay bị váng đầu.

Quý Anh có Thương quan bị chế phục thái quá, đề phòng mắt đau, chân đau.

Mộc quá nhược hoặc tử tuyệt, phần nhiều bị váng đầu, hoa mắt, khí huyết không điều hòa, tóc thưa và mềm, có hiện tượng đau thần kinh, nếu nghiêm trọng sẽ đau gan, mật, tốn thương đùi và bàn chân.

Mộc bị kim khắc, đau gân cốt, đau sườn, đau lưng.

Thương quan là kim thủy, hàn quá sẽ ho gió.

Thủy mộc sinh lẫn nhau, tỳ vị thương tổn.

## Hướng Dẫn Xem

### Hướng Dẫn Cách Xem Vòng Trường Sinh

Trong lá số tú trụ sau mỗi Can Chi (can là giáp ất bính đinh..., chi là tú sửu dần mão...) hay sau Thập Thần thì chúng ta điều thấy những tên trong vòng trường sinh xuất hiện như Đế Vượng, Lâm Quan, Quan Đới... Suy, Bệnh, Tử... Những tên trong vòng trường sinh đó cho ta biết sự mạnh yếu đối với cặp Can Chi đó hay sự mạnh yếu của 10 thần như; Tài, Quan, Án, Tỷ, Kiếp...

Sự mạnh yếu đôi khi có lợi và đôi khi có hại cho ta, ví dụ như gặp hung tinh tức cái khắc ta, nếu hung tinh đó yếu thì sự ảnh hưởng của nó sẽ nhỏ đi, còn đối với phúc tài tinh nếu mạnh thì sẽ phù trợ ta tốt hơn. Riêng Mộ còn gọi là Kho, Tài mà có kho tức có nơi giữ tài, rất tốt.

Tóm lại vòng trường sinh cho ta biết sự mạnh yếu của từng sao, để biết sự mạnh yếu đến đâu thì Quý Anh hãy nhìn bản điểm.

Vòng Trường Sinh	Thai	Dưỡng	Trường Sinh	Mộc Dục	Quan Dới	Lâm Quan	Đế Vượng	Suy	Bệnh	Tử	Mộ	Tuyệt
Điểm	4.1	4.1	6	7	8	9	10	5.1	4.8	3	3	3.1

### Hướng Dẫn Cách Xem Thập Thần

Thập thần còn được gọi là 10 thần, 10 thần này gồm có: **Thương**(Thương Quan), **Thực**(Thực Thần), **Tài**(Chánh Tài), **T.Tài**(Phiến Tài,Thiên Tài), **Quan**(Chánh Quan), **Sát**(Thất Sát), **Án**(Chánh Án), **Kiêu**(Phiến Án, Thiên Án), **Kiếp**(Kiếp Tài), **Tỷ**(kiên).

10 thần này đại diện cho tất cả những thứ chung quanh ta như: Ông bà, cha mẹ, cấp trên xếp, anh chị, bạn bè, vợ chồng, chính ta, con cái, tiền tài, sự nghiệp... Dựa vào sự xuất hiện của 10 thần trên lá số và kết hợp sự mạnh yếu của vòng trường sinh sẽ cho ta biết sự mạnh yếu của từng thần mà giải đoán lá số.

Quý Anh hãy xem hình minh họa phía dưới, những ô mà chúng tôi đóng khung đỏ bao gồm các Thần và vòng trường sinh, đó là những thứ liên quan với nhau về sự mạnh yếu, để biết mạnh yếu thì nhìn vòng trường sinh.

Nhìn vào hình minh họa chúng ta sẽ thấy các ô chữ nhật dài màu đỏ đầu tiên là những "lộ" thần, còn gọi là thần của Thiên Can, đây là những thần chính của tú trụ, tượng trưng những thứ bộc lộ ra bên ngoài, đến ô chữ nhật dài thứ hai là can chi của từng trụ và Quý Anh có thể nhìn vòng trường sinh mà biết sơ về sự mạnh yếu của trụ đó, và để biết sự mạnh yếu của từng trụ phải phối hợp nhiều thành phần như sự xung khắc can chi ngũ hành giữ các trụ, sự bố cục các sao của trụ..., nếu Quý Anh chưa biết gì về tú trụ thì nên hiểu như vậy cho đỡ rối. Những (3) ô hình vuông xếp hàng dọc phía dưới là những thần tàng ẩn, còn gọi là thần của địa Chi, những thần này cho biết những sự việc tàng ẩn bên trong. Ví dụ ở thần lộ phía trên mà có Tài thì cho biết người đó hào phóng sang trọng(lộ ra ngoài), còn nếu có Tài ẩn và có kho(mộ) như ở trụ năm cột thứ ba thì cho biết người này có tiền của(ẩn), bề ngoài thấy không sang trọng nhưng là người (sẽ) có tiền, và đôi khi kho chưa mở thì họ cũng không có tiền vì chưa gặp vận xung kho(phá mở kho).

Trụ Năm 1980			Trụ Tháng 04			Trụ Ngày 16			Trụ Giờ 17:17		
Thương Dưỡng			Thương Dưỡng			Thần Tỷ Suy			T.Tài Dưỡng		
CANH	THÂN	L.Quan	CANH	THİN	Dưỡng	KÝ	MÙI	Suy	QUÝ	DẬU	Bệnh
Canh Thương Dưỡng	Mậu Kiếp Q.Đới	Nhâm Tài Mộ	Mâu Kiếp Q.Đới	Át Sát Q.Đới	Quý T.Tài Dưỡng	Ký Tỷ Suy	Át Sát Q.Đới	Đinh Kiêu Suy	Tân Thực Mộ		

### Ý Nghĩa của từng trụ:

- Trụ năm tương trưng cho ông bà và tuổi thiếu niên của Quý Anh
- Trụ tháng tương trưng cho cha mẹ và tuổi thanh niên của Quý Anh
- Trụ ngày tương trưng cho bản thân, vợ chồng và tuổi trung niên của Quý Anh
- Trụ giờ tương trưng cho con cái và tuổi già của Quý Anh

### Ý Nghĩa của 10 thần:

**1. Quan** (Chính quan) là cái khắc tội, đại diện cho quan chức tốt, chính trực trong chính quyền điều hành xã hội, mà con người phải tuân theo pháp luật nhà nước, nói chung chính quan được coi là cát thần, nhất là khi Thân vượng.

Công năng của chính quan trong mệnh là bảo vệ tài, áp chế Thân, khống chế tỷ và kiếp. Thân vượng tài nhược thì nên có chính quan để bảo vệ tài. Thân vượng mà ẩn nhược thì chính quan sẽ sinh ẩn và chế ngự Thân cho bớt vượng. Thân vượng kiếp nhiều thì chính quan sẽ khắc chế kiếp.

Trong mệnh chính quan đại diện cho chức vụ, học vị, thi cử, bầu cử, danh dự... Với nam Chính quan còn đại diện cho tình cảm với con gái. Vì nam lấy tài làm vợ, tài sinh quan và sát là con, nên nam lấy quan làm con gái, sát làm con trai (vì âm, dương khác với nhật can là con gái, giống là con trai).

Tâm tính của chính quan : chính trực, có tinh thần trách nhiệm, đoan trang nghiêm túc, làm việc có đầu có đuôi. Nhưng dễ bảo thủ cứng nhắc, thậm chí là người không kiên nghị.

**2. Sát** (Thất sát, thiên quan) là cái khắc tội, nó thường đại diện cho quan lại xấu trong chính quyền. Trong mệnh thất sát chuyên tấn công lại Thân, cho nên Thân dễ bị tổn thương, khi đó cần có thực thương tới để khắc chế thất sát thì lại trở thành tốt (nghĩa là bắt quan xấu phải phục vụ cho mình “thất sát hóa thành quyền”

bính"). Nói chung khi Thân nhược thất sát được coi là hung thần.

Công năng của thất sát làm tổn hao tài, sinh ấn, công phá Thân, khắc chế tỳ kiếp.

Trong mệnh thất sát đại diện cho chức vụ về quân cảnh, hoặc nghề tư pháp, thi cử, bầu cử... Với nam thất sát còn đại diện cho tình cảm với con trai.

Tâm tính của thất sát, hào hiệp, nồng động, uy nghiêm, nhanh nhẹn... Nhưng dễ bị kích động, thậm chí dễ trở thành người ngang ngược, trụy lạc...

**3. Ân** (Chánh ấn) là cái sinh ra tôi, khi Thân nhược thường được coi là cát thần, ấn có nghĩa là con dấu, đại diện cho chức vụ, quyền lợi, học hành, nghề nghiệp, học thuật, sự nghiệp, danh dự, địa vị, phúc thọ... Chính ấn là sao thuộc về học thuật và còn đại diện cho tình cảm của mẹ đẻ.

Công năng của chính ấn, sinh Thân, xì hơi quan sát, chống lại thực thương.

Tâm tính của chính ấn, thông minh, nhân từ, không tham danh lợi, chịu đựng nhưng ít khi tiến thủ, thậm chí còn chậm chạp, trì trệ....

**4. Kiêu** (Thiên ấn) là cái sinh phù tôi, đại diện cho quyền uy trong nghề nghiệp như nghệ thuật, nghệ sĩ, y học, luật sư, tôn giáo, kỹ thuật, nghề tự do, những thành tích trong dịch vụ.... Nó còn đại diện cho tình cảm của dì ghẻ.

Công năng của thiên ấn sinh Thân, xì hơi quan sát để sinh cho Thân, chống lại thực thương . Mệnh có thiên ấn có thể phù trợ cho Thân nhược. Nhưng gặp thực thần là mệnh lao dịch, vất vả. Thiên ấn quá nhiều thì đó là người phúc bạc, bất hạnh, tật bệnh hoặc con cái khó khăn khi đó chỉ có thiên tài mới có thể giải được các hạn này. Người mà túc trụ có Thân vượng, còn có kiêu, tài và quan tất là người phú quý. Mệnh có thiên ấn lại còn gặp quan sát hỗn tạp (có cả chính quan và thiên quan, không tính Quan và Sát là tạp khí ) là người thắng lợi nhiều mà thất bại cũng lầm. Nói chung khi Thân vượng thiên ấn được coi là hung thần.

Tâm tính của thiên ấn, tinh thông tay nghề, phản ứng nhanh nhạy, nhiều tài nghệ, nhưng dễ cô độc, thiếu tính người, thậm chí ích kỷ, ghê lạnh...

**5. Tỷ** (Kiên, Ngang vai) là ngang tôi (là can có cùng hành và cùng dấu với Nhật Can), gọi tắt là tỷ. Đại diện cho tay chân cấp dưới, bạn bè, đồng nghiệp, cùng phe phái, tranh lợi, đoạt tài, khắc vợ, khắc cha ,... Nữ đại diện cho tình chị em, nam đại diện cho tình anh em.

Công năng của ngang vai có thể giúp Thân khi Thân nhược, cũng như tài nhiều (của cải nhiều) nhờ ngang vai giúp Thân để khỏi mất của. Nhưng Thân vượng lại có ngang vai nhiều mà không bị chế ngự là tay chân cấp dưới không hòa thuận, hoặc kết hôn muộn, tính tình thô bạo, cứng nhắc, cố chấp, không hòa hợp với cộng đồng, khắc cha, khắc vợ, làm nhiều mà không gặp tiền của.

Tâm tính của ngang vai, chắc chắn, cương nghị, mạo hiểm, dũng cảm, có chí tiến thủ, nhưng dễ cô độc, ít hòa nhập, thậm chí cô lập, đơn cô. Nói chung khi thân vượng ngang vai được coi là hung thần (vì lúc đó nó tranh đoạt tài với Thân).

**6. Kiếp tài** cũng là ngang tôi (là can cùng hành nhưng khác dấu với Nhật Can), gọi tắt là kiếp. Nó đại diện cho tay chân cấp dưới, bạn bè, tranh lợi đoạt tài, khắc vợ, khắc cha, lang thang... Thân vượng mà có nhiều kiếp cũng giống như ngang vai ở trên. Nữ đại diện cho tình anh em, nam đại diện cho tình chị em....

Công năng của kiếp cũng giống như của ngang vai.

Tâm tính của kiếp tài là nhiệt tình, thẳng thắn, ý chí kiên nhẫn, phần đầu bất khuất, nhưng dễ thiên về mù quáng, thiếu lý trí, thậm chí manh động, liều lĩnh....

**7. Thực** (Thực thần) là cái mà nhật can sinh ra (cùng dấu với Nhật Can). Đại diện cho phúc thọ, người béo, có lộc. Nữ đại diện cho tình cảm với con gái.

Công năng của thực thần làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm quan bị tổn thương. Khi gặp sát thì có thể chế phục làm cho Thân được yên ổn không có tai họa, nên nói chung được xem là cát thần.

Tâm tính của thực thần, ôn hòa, rộng rãi với mọi người, hiền lành, thân mật, ra vẻ tốt bề ngoài nhưng trong không thực bụng, thậm chí nhút nhát, giả tạo. Can chi đều có thực thần thì phúc lộc dồi dào, nhưng không

thích hợp cho người công chức mà thích hợp với những người làm nghề tự do. Mệnh nữ có thực thần là hay khinh rẻ chồng. Thực và sát cùng một trụ là người có dịp nắm quyền bính nhưng dễ bị vất vả, lao khổ, tai ách và ít con. Can có thực thần, chỉ có ngang vai là chủ về người có thân thích, bạn hữu hoặc tay chân giúp đỡ. Can là thực thần, chỉ là kiếp tài là chủ về người phúc đức giàu có, khi gặp điều xấu vẫn có lợi. Thực thần có cả kiếp tài, thiên ân đi kèm là người dễ đoán thọ (?). Người tài nhiều thì diêm phúc ít. Thực thần lâm trường sinh vượng địa hoặc cát thần thì phúc lộc nhiều, phần nhiều là người phúc lộc họ toàn diện. Thực thần lâm tử, tuyệt, suy thì phúc ít, bạc mệnh. Thực thần lâm mộ địa là người dễ chết yểu (?).

**8. Thương** (Thương quan) cũng là cái nhật can sinh ra (nhưng khác dấu với Nhật Can). Đại diện cho bị mất chức, bỏ học, thôi việc, mất quyền, mất ngôi, không chúng tuẫn, không thi đỗ, không lợi cho người nhà và chồng. Nữ đại diện cho tình cảm với con trai.

Công năng của thương quan làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm thương tổn quan. Sợ nhất là “thương quan gặp quan là họa trăm đường ập đến”. Nói chung thương quan được xem là hung thần, nhất là khi Thân nhược.

Tâm tính thông minh, hoạt bát, tài hoa dồi dào, hiếu thắng, nhưng dễ tùy tiện, thiếu sự kiềm chế ràng buộc, thậm chí tự do vô chính phủ....

Người thương quan lộ rõ (lộ và vượng) tâm tính thanh cao hiên ngang, dám chửi mắng cả quỷ thần. Nhật Can vượng thì lại càng hung hăng hơn, loại người này tính xấu. Những người bè trên cũng không dám đụng đến nó, kẻ tiểu nhân thì càng sợ mà lánh cho xa. Nhưng thương quan vượng mà Thân nhược thì tính tình vẫn là thương quan, chỉ có điều không ghê gớm đến như thế. Thương quan trong tú trụ nếu có Thân vượng thì nó là hỷ dụng thần khi hành đến vận tài phú quý tự nhiên đến.

**9. Tài** (Chính tài) là cái bị Thân khắc (có dấu khác với Nhật Can) là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho tài lộc, sản nghiệp, tài vận, tiền lương. Còn đại diện cho vợ cả (với nam).

Công năng là sinh quan và sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thần làm hại chính ân. Nói chung chính tài được coi là cát thần.

Tâm tính cẩn cù, tiết kiệm, chắc chắn, thật thà, nhưng dễ thiên về cẩu thả, thiếu tính tiến thủ, thậm chí trở thành nhu nhược, không có tài năng....

Người Thân vượng, tài vượng là bậc phú ông trong thiên hạ, nếu có cả chính quan là phú quý song toàn, nam thì được vợ hiền nội trợ tốt. Ngược lại người Thân nhược mà tài vượng thì không những nghèo mà cùi tài rất khó khăn, trong nhà vợ nắm quyền hành. Tài nhiều thường không lợi cho đường học hành, là người dốt nát. Địa chi tàng tài là tài phong phú, tài thấu ra là người khảng khái. Tài có kho (ví dụ : nếu ất là tài thì kho là dần và mao hay tàng trong các chi Thổ) khi gặp xung tất sẽ phát tài (như tài là Ất, Mậu hay Quý tàng trong Thìn khi gặp Tuất ở tuế vận xung Thìn). Thân vượng có chính tài còn gặp thực thần là được vợ hiền giúp đỡ. Chính tài và kiếp tài cùng xuất hiện trong tú trụ thì trong cuộc đời dễ gặp phải tiểu nhân nên tài dễ bị tổn thất.

**10 T.Tài** (Thiên tài) cũng là cái bị Thân khắc (nhưng cùng dấu với Nhật Can) cũng là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho của riêng, trúng thưởng, phát tài nhanh, đánh bạc, tình cảm với cha. Với nam còn đại diện cho tình cảm với vợ lẽ.

Công năng của thiên tài: sinh quan sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thần, làm hại chính ân. Nói chung thiên tài được coi là cát thần.

Tâm tính của thiên tài, khảng khái, trọng tình cảm, thông minh, nhạy bén, lạc quan, phóng khoáng, nhưng dễ thiên về ba hoa, bè ngoài, thiếu sự kiềm chế, thậm chí là người phù phiếm....

Thiên tài đại diện cho cha hoặc vợ lẽ, hoặc nguồn của cải bằng nghề phụ. Thân vượng, tài vượng, quan vượng thì danh lợi đều có, phú quý song toàn. Thiên tài thấu can thì kỵ nhất gặp tỷ và kiếp, vì như thế vừa khắc cha lại làm tổn hại vợ (với nam). Can chi đều có thiên tài là người xa quê lập nghiệp trở lên giàu có, tình duyên tốt đẹp, của cải nhiều. Thiên tài được lệnh (vượng ở tháng sinh) là cha con hoặc thê thiếp hòa thuận, được của nhờ cha hoặc nhờ vợ, cha và vợ đều sống lâu, vinh hiển (?). Thiên tài lâm mộc dục là người háo sắc phong lưu. Thiên tài lâm mộ địa là cha hoặc vợ dễ chết sớm (?).

Qua phân luân đoán vừa nói trên, chúng tôi hy vọng Quý Anh đã có được lời giải đáp cho vận mệnh của Quý

Anh. Quý Anh có thể xem thêm phần [tử vi bình giải](#) để nắm rõ hơn các chi tiết khác về vận mệnh Quý Anh.

Xem Tướng chấm net chân thành chúc Quý Anh Xemtuong thật nhiều sức khỏe và vạn sự như ý.

Trân Trọng.

XemTuong.net